

Bản án số: 40/2020/DS-ST
Ngày 05 – 6 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơ, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình P – chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ - Phòng kiểm soát rủi ro - Chi nhánh Cà Mau – Văn bản ủy quyền ngày 05/02/2020 (có mặt).

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Hồng T, sinh năm 1989; cư trú tại: Khóm M, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Chị Dương Thúy N, sinh năm 1988; cư trú tại: Khóm M, thị trấn Đ, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Cà Mau (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), lời trình bày tại phiên tòa của ông Nguyễn Bình P thể hiện:*

Vào ngày 22/01/2019 anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thúy N ký hợp đồng tín dụng số LD 1902200952 vay số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) tại Ngân hàng thuộc Phòng giao dịch tại huyện Đ1 với thời hạn cho vay là 36 tháng, lãi suất tiền vay 01% tháng (cho vay góp đều, lãi không giảm theo dư nợ). Mỗi tháng trả vốn, lãi là 1.888.000 đồng (trong đó vốn 1.388.000 đồng, lãi 500.000 đồng), riêng kỳ thứ 36 (kỳ cuối) thanh toán 1.920.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T, chị N đã thanh toán được 10 kỳ với tổng số tiền là 18.880.000 đồng (trong đó, vốn 13.880.000 đồng, lãi 5.000.000 đồng). Ngày 23/12/2019, anh T, chị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển hồ sơ sang nợ quá hạn. Mặc dù, Ngân hàng đã liên hệ nhiều lần nhưng khách hàng không đến thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký.

Tính đến ngày 05/6/2020 thì anh T, chị N còn thiếu của Ngân hàng tổng số tiền là 39.555.385 đồng (trong đó, tiền vốn: 36.120.000 đồng, lãi trong hạn: 3.000.000 đồng và lãi quá hạn: 435.385 đồng). Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị N trả tất cả các khoản tiền trên đồng thời tiếp tục phải trả số tiền lãi phát sinh từ ngày 06/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ vay theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng tín dụng.

** Đối với anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thúy N:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng các đương sự này không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi thụ lý vụ án, cán bộ tổng đạt đã đến địa chỉ trong hợp đồng tín dụng để tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thúy N không có ở địa phương nên không thực hiện việc tổng đạt trực tiếp theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, đây là thuộc trường hợp anh T, chị N không thực hiện nghĩa vụ thông báo về việc thay đổi địa chỉ nên Tòa án thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[2] Anh T và chị N đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cung cấp Hợp đồng tín dụng số LD 1902200952 ngày 22/01/2019 giữa anh T, chị N với Ngân hàng có số vốn vay là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không phản đối những tình tiết, sự kiện

này. Do đó, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Hợp đồng tín dụng có nội dung thỏa thuận phù hợp với các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng. Quá trình thực hiện, anh T, chị N đã trả vốn, lãi cho Ngân hàng được 10 kỳ (đến ngày 22/11/2019) thì không tiếp tục thực hiện là vi phạm nghĩa vụ theo nội dung hợp đồng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T, chị N phải trả số tiền vốn, lãi đến ngày 05/6/2020 là 39.555.385 đồng (trong đó, tiền vốn: 36.120.000 đồng, lãi trong hạn: 3.000.000 đồng và lãi quá hạn: 435.385 đồng) là có cơ sở nên được chấp nhận.

[5] Ngân hàng yêu cầu trả tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận kể từ ngày 06/6/2020 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Xét yêu cầu này của Ngân hàng phù hợp với nội dung “...*kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay*” quy định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T, chị N phải chịu số tiền là 1.977.769 đồng (39.555.385 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 288, 299, 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 98 Luật Tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

- Buộc anh Nguyễn Hồng T và chị Dương Thúy N phải trả cho Ngân hàng vốn và lãi đến ngày 05/6/2020 số tiền 39.555.385 đồng (ba mươi chín triệu năm

trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm tám mươi lăm đồng) (trong đó, tiền vốn: 36.120.000 đồng, lãi trong hạn: 3.000.000 đồng và lãi quá hạn: 435.385 đồng).

Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 05/6/2020, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh T và chị N phải chịu 1.977.769 đồng (một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm sáu mươi chín đồng) (chưa nộp).

- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín không phải chịu. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền đã nộp tạm ứng là 929.000 đồng (chín trăm hai mươi chín nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010326 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

